

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỘI AN
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2021/DS-ST

Ngày 23 - 11 - 2021

V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Như Biên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Như Thương

Ông Lê Viết Phúc

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tuấn- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hội An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An tham gia phiên tòa:*
Bà Võ Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hội An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2020/TL.ST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-DS ngày 21/12/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1955

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt*

- *Đại diện theo ủy quyền:*

Bà Nguyễn Hoàng A, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Số S, quận H, thành phố Đà Nẵng. (*Văn bản ủy quyền lập ngày 04.6.2020*). *Có mặt*

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm: 1966

Địa chỉ: Tổ I, thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1996

2. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 2002

Cùng địa chỉ: Tổ I, thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. *Cả hai cùng vắng mặt*

3. Ông Bùi Ngọc C, sinh năm: 1979

4. Bà Phạm Thị Thanh X, sinh năm: 1979

Cùng địa chỉ: Số M, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Ông Châu có mặt, bà Xuân vắng mặt

Đại diện theo ủy quyền cho ông C, bà X:

Bà Lê Thị Thanh P, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Số S, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Văn bản ủy quyền lập ngày 04.6.2020). Có mặt

5. Ông Võ Phước Đ, sinh năm: 1968

Trú tại: Số D, đường B, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 01/6/2020, Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện lập ngày 21/12/2020, Bản tự khai ngày 20/11/2020, trong các biên bản hoà giải cũng như tại phiên toà, bà Nguyễn Hoàng A là đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Nguyễn Thị M trình bày: Ngày 01/4/2009, ông Nguyễn L và bà Trần Thị L chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị M thửa đất số 1104, tờ bản đồ số 8, diện tích 130m² (trong đó 100m² đất ở và 30m² đất cây lâu năm) tại thôn B, xã C, thành phố H do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp cho hộ ông Nguyễn L ngày 09/02/2009. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng H.A chứng thực ngày 01/4/2009 do ông Nguyễn L đại diện theo ủy quyền cho bà Trần Thị L ký. Ngày 08/5/2017, bà Nguyễn Thị M lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất này cho con là anh Bùi Ngọc C và chị Phạm Thị Thanh X và được Văn phòng công chứng P chứng thực ngày 08/5/2017. Sau khi lập Hợp đồng tặng cho, bà Nguyễn Thị M, anh Bùi Ngọc C và chị Phạm Thị Thanh X nộp hồ sơ tại Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh H.A để cấp đổi, sang tên người đứng tên quyền sử dụng đất. Sau khi kiểm tra hồ sơ, ngày 18/5/2017 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H.A có phiếu chuyển trả hồ sơ cho bà Nguyễn Thị M với lý do thửa đất mà ông L và bà L đã chuyển nhượng cho bà M (nay bà M tặng cho anh C và chị X) thì vị trí trên thực địa thuộc một phần ngôi nhà của hộ ông Nguyễn L, một phần thì chồng lấn lên thửa đất số 1103 do ông Võ Phước Đ đứng tên quyền sử dụng.

Ngày 25/10/2012 ông Nguyễn L chết. Ngày 27/12/2018, Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định 3904/QĐ-UBND thu hồi của bà Nguyễn Thị M 14m² đất trồng cây lâu năm để nâng cấp, mở rộng đường ĐX.30 tại thôn B, xã C, thành phố H và bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản có trên đất và chính sách hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị M với tổng số tiền là 34.427.000 đồng (Ba mươi bốn triệu, bốn trăm hai mươi bảy ngàn đồng) theo Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 03/01/2019. Do đó, thửa đất số 1104, tờ bản đồ số 8, diện tích 130m² (trong đó

100m² đất ở và 30m² đất cây lâu năm) còn lại 100m² đất ở và 16m² đất cây lâu năm hiện nay đang bị bà Trần Thị L chiếm dụng và có một phần ngôi nhà đang tồn tại trên thửa đất này. Nay bà Nguyễn Thị M khởi kiện bà Trần Thị L, yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hội An giải quyết buộc bà L tháo gỡ nhà, công trình vệ sinh và trả lại nguyên trạng thửa đất số 1104, tờ bản đồ số 8, diện tích 116m² (trong đó 100m² đất ở và 16m² đất cây lâu năm) cho bà M.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị L không đồng ý nhận Thông báo thụ lý vụ án, không đồng ý trả lời ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà M. Ngày 24/12/2020, Tòa án nhân dân thành phố đã tiến hành thẩm định, xem xét tại chỗ đối với thửa đất đang tranh chấp, nhưng bà L cản trở, không đồng ý để Hội đồng tiến hành đo đạc đối với tài sản đang tranh chấp. Tuy nhiên, tại buổi thẩm định, xem xét tại chỗ, Hội đồng ghi nhận hiện trạng thửa đất số 1104 đang có một phần ngôi nhà cấp 4 với diện tích 43,5m² và một phần công trình vệ sinh với diện tích 1,8m² của hộ bà Trần Thị L đang tồn tại trên thửa đất số 1104; phần còn lại của căn nhà với diện tích 32,4m² và công trình vệ sinh với diện tích 2,3m² nằm trên diện tích thửa 1103 liền kề với diện tích là 34,7m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Ngọc C, bà Phạm Thị Thanh X (do bà Lê Thị Thanh P đại diện theo ủy quyền) đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu bà Trần Thị L chấm dứt hành vi chiếm dụng, tháo gỡ nhà ở, công trình vệ sinh để trả lại nguyên trạng thửa đất số 1104, tờ bản đồ số 8, diện tích 130m² (đã thu hồi 14m² đất cây lâu năm) tại thôn B, xã C, thành phố H cho bà Nguyễn Thị M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Phước Đ trình bày: Năm 2011, ông Đ nhận chuyển nhượng thửa đất số 1103, tờ bản đồ số 8, diện tích 130m² của bà Nguyễn Thị L, nguồn gốc thửa đất này do ông Nguyễn L tách ra từ thửa 283, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.338m². Thửa đất 1103 có một phần căn nhà cấp 4 của bà Trần Thị L, do bà L không tháo gỡ nhà nên năm 2016 ông Võ Phước Đ đã khởi kiện bà Trần Thị L tháo gỡ nhà để trả lại đất. Năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố Hội An đã tiến hành thẩm định, xem xét tại chỗ và xác định trên thửa đất số 1103 của ông Đ đang tồn tại một phần căn nhà với diện tích 32,4m² và công trình vệ sinh với diện tích 2,3m²; một phần căn nhà và công trình vệ sinh còn lại nằm trên thửa đất số 1104. Nay bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hội An giải quyết buộc bà Trần Thị L tháo gỡ nhà, công trình vệ sinh và trả lại nguyên trạng thửa đất số 1104, tờ bản đồ số 8, diện tích 116m²

(trong đó 100m² đất ở và 16m² đất cây lâu năm) cho bà M, ông Đ hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định, đã tạo điều kiện cho các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn bà Trần Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị L không thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 và 73 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không có mặt đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án. Các đương sự còn lại đã chấp hành tốt các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. **Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 166, 168, 169, 170, 179 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 175, 190 và Điều 194 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M về việc buộc bà Trần Thị L tháo gỡ tài sản là một phần nhà ở và công trình vệ sinh nằm trên thửa đất số 1104, tờ bản đồ số 08, diện tích 116m² (bao gồm: 100m² đất ở và 16m² đất cây lâu năm) thuộc thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam để trả lại cho bà Nguyễn Thị M thửa đất số 1104, tờ bản đồ số 08, diện tích 116m² (bao gồm: 100m² đất ở và 16m² đất cây lâu năm) thuộc thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

2. Đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là bà Trần Thị L tháo gỡ nhà, công trình vệ sinh và trả lại nguyên trạng thửa đất số 1104, tờ bản đồ số 8, diện tích 116m² (trong đó 100m² đất ở và 16m² đất cây lâu năm) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị M. Vì vậy, đây là tranh chấp quyền sử dụng đất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 203 Luật đất đai năm 2013, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn bà Trần Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b

khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Loan.

[2] Về nội dung: Ngày 01/4/2009 bà Nguyễn Thị M nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn L đối với thửa đất số 1104, tờ bản đồ số 8, diện tích 130m² (trong đó 100m² đất ở và 30m² đất cây lâu năm, đến ngày 27/12/2018 thì Ủy ban nhân dân thành phố H thu hồi 14m² đất cây lâu năm) tại thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, nên thửa đất 1104 còn lại 116m² (trong đó 100m² đất ở và 16m² đất cây lâu năm). Ngày 08/5/2017, khi bà M thực hiện các quyền của người sử dụng đất thì trên thửa đất của bà đang tồn tại một phần căn nhà và một phần công trình vệ sinh của bà Trần Thị L chưa được tháo dỡ. Do đó, bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị L tháo dỡ nhà, công trình vệ sinh và trả lại nguyên trạng thửa đất số 1104, tờ bản đồ số 8, diện tích 116m² (trong đó 100m² đất ở và 16m² đất cây lâu năm) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị M.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Xét trình tự, thủ tục đối với việc tách thửa đối với thửa số 1104 và một phần ngôi nhà cấp 4 với diện tích 43,5m² và một phần công trình vệ sinh với diện tích 1,8m² của hộ bà Trần Thị L đang tồn tại trên thửa đất số 1104 tại thời điểm tách thửa, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ Văn bản trả lời ý kiến số 2499/UBND ngày 24/8/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố H thì *“Tại thời điểm ông Nguyễn L tách 02 thửa đất số 1103 và 1104 đã có ngôi nhà trên đất, hồ sơ tách thửa không có cam kết tháo dỡ nhà. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 145 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai năm 2003 quy định về trình tự, thủ tục tách thửa, hợp thửa thì hồ sơ tách thửa của trường hợp này đảm bảo quy định. Do đó, việc tách thửa đất số 1103 và 1104 từ thửa đất 283, tờ bản đồ số 8, xã C (theo hồ sơ Nghị định 64/CP của Chính phủ) là đảm bảo quy định”*.

Đồng thời, quy định tại khoản 2 Điều 145 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ thì *“Việc tách thửa, hợp thửa theo nhu cầu của người sử dụng đất...”* và Công văn số 2499/UBND ngày 24/8/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố H khẳng định rằng *“thửa đất hình thành sau khi tách thửa không làm thay đổi quyền sử dụng của người sử dụng đất, tài sản trên đất vẫn thuộc quyền sở hữu của người sử dụng đất”*. Hội đồng xét xử thấy rằng các dẫn chiếu tại Điều 145 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ

tại Văn bản trả lời ý kiến số 2499/UBND ngày 24/8/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố H là phù hợp và tương ứng với Điều 19 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; đồng thời khi lập thủ tục tách thửa 1104, ông Nguyễn L biết rõ căn nhà của hộ ông đang tồn tại trên 02 thửa 1103 và 1104, ông L đã trực tiếp ký xác nhận vào “Trích lục bản đồ” (*bút lục 57*) kèm với “Đơn xin tách thửa, hợp thửa đất” (*bút lục 54*) và toàn bộ hồ sơ xin tách thửa của hộ ông Nguyễn L mà Tòa án nhân dân thành phố Hội An thu thập tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H ngày 05/8/2020. Do đó, trình tự, thủ tục tách thửa đối với thửa số 1104 là phù hợp với quy định pháp luật.

[3.2] Xét Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là ông Nguyễn L và bà Trần Thị L (do ông L đại diện theo ủy quyền cho bà L ký) với bên nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị M được Văn phòng công chứng H.A chứng thực ngày 01/4/2009, Hội đồng xét xử thấy: Thửa đất số 1104, tờ bản đồ số 8, diện tích 130m² (trong đó 100m² đất ở và 30m² đất cây lâu năm) có nguồn gốc được tách ra từ thửa 283, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.338m², loại đất thổ cư do ông Nguyễn L kê khai đăng ký (theo hồ sơ Nghị định 64/CP của Chính phủ) là hợp pháp, đúng trình tự, thủ tục. Ngày 01/4/2009, ông Nguyễn L đại diện theo ủy quyền cho bà Trần Thị L (Văn bản ủy quyền được Văn phòng công chứng H.A chứng thực số 254/3, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/3/2009) lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị M và được Văn phòng công chứng H.A chứng thực số 294/4, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/4/2009. Căn cứ Công văn số 2256/UBND ngày 19/6/2017 của UBND thành phố H thì “*Hiện nay thửa đất số 1104, tờ bản đồ số 8 do bà Nguyễn Thị M trọn quyền sử dụng (theo nội dung thay đổi tại trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 930370 cấp ngày 09/02/2009)*”. Như vậy, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là ông Nguyễn L và bà Trần Thị L với bên nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị M, được Văn phòng công chứng H.A chứng thực số 294/4, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/4/2009 đối với thửa đất số 1104, tờ bản đồ số 8, diện tích 130m² (trong đó 100m² đất ở và 30m² đất cây lâu năm) là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, tại thời điểm chuyển nhượng, hộ ông Nguyễn L biết trên thửa đất có một phần căn nhà đang tồn tại trên thửa đất 1104, nên phải có trách nhiệm tháo dỡ nhà để bàn giao thửa đất cho bên nhận chuyển nhượng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét thấy rằng trình tự, thủ tục tách thửa đất số 1104, tờ bản đồ số 8 cũng như Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa

bên chuyển nhượng là ông Nguyễn L và bà Trần Thị L với bên nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị M, được Văn phòng công chứng H.A chứng thực số 294/4, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/4/2009 đối với thửa đất số 1104, tờ bản đồ số 8, diện tích 130m² (trong đó 100m² đất ở và 30m² đất cây lâu năm) là đúng quy định pháp luật, sau khi nhận chuyển nhượng bà Nguyễn Thị M đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền ngày 10/4/2009 nên diện tích thửa đất này thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của bà Nguyễn Thị M. Vì vậy, việc bà M khởi kiện buộc bà Trần Thị L tháo dỡ nhà và công trình vệ sinh có trên đất để trả lại cho bà M nguyên trạng thửa đất số 1104, tờ bản đồ số 8, diện tích còn lại sau khi bị thu hồi để mở rộng đường DX.30 là 116m² (trong đó 100m² đất ở và 16m² đất cây lâu năm) là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị M tự nguyện chịu số tiền chi phí tố tụng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 12, 166, 170, 179 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 15 Luật đất đai 2003; Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M. Buộc bà Trần Thị L có nghĩa vụ phải tháo dỡ nhà và công trình vệ sinh nằm trên thửa đất số 1104, tờ bản đồ số 8, diện tích 116m² (trong đó 100m² đất ở và 16m² đất cây lâu năm) **tại thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam**, trả lại cho bà Nguyễn Thị M thửa đất số 1104, tờ bản đồ số 8, diện tích 116m² (trong đó 100m² đất ở và 16m² đất cây lâu năm) tại thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có tứ cận Đông giáp đường DX.30, Nam giáp thửa ONT.42, Tây giáp thửa ONT.42, Bắc giáp thửa ONT.1103 (*Có trích lục sơ đồ kèm theo*).

Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị M tự nguyện chịu số tiền chi phí tố tụng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (23/11/2021). Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Hội An;
- Chi cục T.H.A Dân sự tp. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Như Biên